

Tp. Hồ chí Minh, ngày 17 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO TUẦN 29
(từ ngày 11/7/2026 đến 17/7/2026)

I. TÌNH HÌNH PHỤC VỤ SẢN XUẤT VỤ HÈ THU NĂM 2026

Diện tích phục vụ vụ Hè Thu năm 2026 đến ngày 17/7/2026 là: **29.015,4 ha** đạt 98,4% so với Hợp đồng đặt hàng (vụ Hè Thu: 29.499,7 ha), cụ thể:

1. Khu vực Củ Chi	: 14.916,7 ha
~ Hệ thống CTTL Kênh Đông Củ Chi	: 12.050,1 ha;
~ Hệ thống CTTL An Phú – Phú Mỹ Hưng	: 785,0 ha;
~ Đê bao VSSG đoạn từ rạch Thai Thai đến cầu BS	: 113,2 ha;
~ Đê bao VSSG từ rạch Sơn đến rạch Cầu Đen	: 197,3 ha;
~ Hệ thống thủy lợi VSSG từ rạch LT đến sông Lu	: 1.003,2 ha;
~ Hệ thống thủy lợi xã Tân Thạnh Đông	: 767,9 ha.
2. Khu vực XNHM-BC quản lý	: 6.668,3 ha.
~ CTTL Hóc Môn – Bắc Bình Chánh	: 6.169,5 ha.
~ Công trình Nạo vét, cải tạo rạch Cầu Sa	: 498,8 ha.
3. Khu vực Nam rạch Tra	: 4.970,2 ha.
~ CTTL Bắc rạch Tra	: 1.547,5 ha;
~ CTTL Nam rạch Tra	: 2.833,7 ha;
~ Công ngăn triều rạch Ông Đụng	: 339,2 ha;
~ Hệ thống thủy lợi Cây Xanh – Bà Bép	: 249,8 ha.
4. Khu vực Thủ Đức	: 2.460,3 ha
~ CTTL Suối Nhum	: 541,0 ha;
~ CTTL 05 công ngăn triều	: 1.919,3 ha;

Tính đến ngày 17/7/2026 trên khu vực Hệ thống công trình thủy lợi kênh Đông Củ Chi đã thu hoạch **808,7 ha** (Lúa: 497,6 ha; rau màu: 311,1 ha)

II. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN, CẤP NƯỚC:

1. Lượng nước sử dụng:

a. Lượng nước trong tuần qua CĐT K34 và CĐT N25 từ ngày 11/7/2026 đến ngày 17/7/2026: 8.497.297 m³, cụ thể:

Ngày	K34					N25	
	MNTL	MNHL	A	Q(m ³ /s)	W(m ³)	Q(m ³ /s)	W(m ³)
11/7/2026	13,80	13,36	0,8	10,98	948.417	3,83	331.034
12/7/2026	13,81	13,37	0,8	10,98	948.417	3,93	339.209
13/7/2026	13,63	13,27	0,8	9,93	857.875	3,32	286.684
14/7/2026	13,62	13,26	0,8	9,93	857.875	3,43	296.086
15/7/2026	13,68	13,3	0,8	10,20	881.383	3,63	314.047
16/7/2026	13,71	13,32	0,8	10,33	892.905	3,53	305.199
17/7/2026	13,76	13,35	0,8	10,60	915.514	3,73	322.652
Tổng cộng					6.302.386		2.194.911

b. Lượng nước sử dụng từ ngày 01/12/2025 đến 17/7/2026 là **261,54** triệu m³, bằng 101,52% so cùng kỳ và bằng 69,558% so kế hoạch năm (trong đó K34+644: 200,67 triệu m³, K0 – N25: 60,86 triệu m³).

c. Tình hình điều tiết nước: Tổ chức điều tiết vận hành công trình đảm bảo cấp đủ nước phục vụ sản xuất và cấp nước thô cho các nhà máy nước kênh Đông, khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi.

2.Chất lượng nguồn nước kênh Đông: Độ đục dao động từ (23,9÷29,9) NTU và pH dao động từ (7,09÷7,22).

3. Mục nước Hồ Dầu Tiếng: Dao động từ (19,60÷19,68)

	Mức nước năm 2026 (m)	Mức nước năm 2025 (m)
11/7/2026	19,68	19,24
12/7/2026	19,66	19,24
13/7/2026	19,66	19,24
14/7/2026	19,65	19,24
15/7/2026	19,61	19,28
16/7/2026	19,60	19,33
17/7/2026	19,60	19,37

4. Lượng mưa đo được tại các trạm:

STT	Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Mưa lũy tiến trong năm 2026 (mm)
1	Xí nghiệp Củ Chi	8	387
2	N25-2	-	427
3	N31A (K0)	44	510
4	Trung An	21	495
5	K9-N46	2	388
6	An Phú	7	414
7	Thai Thai - Bến Súc	12	412
8	Xí nghiệp HM-BC	0	367
9	Cụm T10	12	529
10	Cụmkênh C	17	431
11	Gò Dưa	52	427
12	Ông Đụng	36	496
13	Ba Thôn	41	506

5.Diễn biến mực nước triều, chất lượng nước trong tuần:

Mực nước Max trong tuần:

- + Cống Gò Dưa : + 1,25 m
- + Cống Ba Thôn : + 1,21 m
- + RT12 (bắc Rạch Tra) : + 1,05 m
- + Cống kênh C : + 1,24 m
- + Cống An Hạ : + 0,98 m

~

Chất lượng nước:

STT	Vị trí	Độ pH	
		Phía sông	Phía đồng
1	Cổng Tân Kiên	6,98	6,81
2	Cổng kênh C	6,90	6,73
3	Cổng kênh B	6,67	6,54
4	Cổng kênh A	6,71	6,58
5	Ngã ba Lý Mạnh	6,69	
6	Cổng cuối kênh Ranh	6,67	
7	Cổng An Hạ	6,52	6,63
8	Cổng T10	6,43	

III. TÌNH HÌNH VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH:

- Tổ chức trực và vận hành công trình đảm bảo an toàn; trữ nước phục vụ sản xuất, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp và ngăn triều cường;
- Công trình 5 cống ngăn triều quận Thủ Đức: Vận hành đảm bảo an toàn công trình, phục vụ tốt sản xuất và dân sinh trên khu vực;
- Công trình Nam rạch Tra (cống Ba Thôn, Đá Hàn): Vận hành công trình đúng quy trình, kiểm tra đảm bảo an toàn công trình, ngăn triều, tiêu thoát nước tốt phục vụ sản xuất.